ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHƯỚC MỸ TRUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2050 /QĐ-UBND	*Phước Mỹ Trung, ngày 30 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Đường ĐA.10
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC MỸ TRUNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ, quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước Mỹ Trung về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước Mỹ Trung về chủ trương đầu tư dự án Đường ĐA.10;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-PKT ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Phước Mỹ Trung về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình Đường ĐA.10;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-PKT ngày 18 tháng 5 năm 2026 của phòng Kinh tế xã Phước Mỹ Trung về việc chỉ định đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu tư vấn khảo sát và lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình Đường ĐA.10;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-PKT ngày 28 tháng 7 năm 2026 của phòng Kinh tế xã Phước Mỹ Trung về việc chỉ định đơn vị tư vấn thực hiện thẩm tra Hồ sơ thiết kế và dự toán công trình Đường ĐA.10;

Căn cứ Báo cáo số 34/BCTT-HT ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Huỳnh Thuỷ về việc Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Đường ĐA.10;

Căn cứ Công văn số 772/TĐ-PKT ngày 22 tháng 8 năm 2026 của phòng Kinh tế xã Phước Mỹ Trung về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường ĐA.10;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 775/TTr-PKT ngày 22 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường ĐA.10 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường ĐA.10.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV, thời hạn sử dụng khoảng 10 năm.

3. Mã định danh: 8174269

4. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Mỹ Trung.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Phước Mỹ Trung.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng Tam Phát Bến Tre, Mã số doanh nghiệp: 1301120990.

8. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, vận chuyển hàng hóa. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tổng chiều dài tuyến đường đầu tư xây dựng 1074,1md; Đường giao thông nông thôn cấp B, mặt đường BTXM thiết kế mới rộng 3,5m; độ dốc ngang mặt đường 2%; lề đất dính mỗi bên rộng 0,75m; độ dốc lề đất 4%. Cao độ hoàn thiện mặt đường từ +1,94m đến +2,46m m; Tải trọng trục 2,5 tấn, vận tốc thiết kế 20km/h.

- Xây dựng 01 cầu bê tông cốt thép dài 18,8m. Tải trọng thiết kế: 0,5HL93

- Xây dựng 01 cống tròn bê tông cốt thép D800 H30, dài 9m;

- Xây dựng 01 cống tròn bê tông cốt thép D600 H30, dài 9m;

- Xây dựng 03 cống tròn nhựa HDPE D400, dài 12m;

9.1. Phần đường

*** Phần nền đường:**

- Phát hoang hai bên tuyến đường (kể cả đào gốc cây);

- Đào đất, ban ủi nền đường đến cao trình thiết kế;

- Đối với các vị trí mái taluy đường đắp qua ao mương lớn thì xử lý gia cố mái taluy bằng cừ tràm phi gốc8-10cm, phi ngọn>3,5cm, L=4m/cây, đóng thành 2 hàng, TC 10cây/md, cặp cổ 02 hàng, neo thép cách khoảng 1.0m; Phía trong đóng cừ tràm neo cách hàng cừ phía ngoài 1m, đóng 01 hàng xiên 1:8 cách khoảng 1m/1cây; Neo cừ bằng thép tròn D6mm ;

- Đắp cát sông lấp mương, độ chặt K≥0,85 ;

- Tấn đất dính đầu mương độ chặt K≥0,85, taluy 1:1,0;

- Đắp đất dính tấn lề độ chặt K≥0,90, rộng 0,75m mỗi bên, taluy 1:1,5, dốc ngang 4%;

- Đắp nền đường bằng cát sông độ chặt K≥0,95.

*** Phần mặt đường chính:**

- Tuyến chính: Km0+00–MA và Tuyến nhánh: Km0+00–Cuối tuyến nhánh

- Mở rộng Bmr bằng CPĐD loại 1, Dmax= 37,5mm dày 12cm, K□0,98;

- Lắp đặt ván khuôn thép;

- Trải mũ ni lông mặt đường;

- Đổ bê tông mặt đường đá 1x2 B20 (M250) dày 16cm, rộng 3,5m;

- Tuyến chính: MB - Cuối tuyến chính

- Cán CPĐD loại 1, Dmax= 37,5mm dày 12cm, K□0,98, rộng 3,5m;

- Lắp đặt ván khuôn thép;

- Trải mũ ni lông mặt đường;

- Đổ bê tông mặt đường đá 1x2 B20 (M250) dày 16cm, rộng 3,5m;

*** Phần đường tẻ, miệng bát, bãi tránh xe và mở rộng đường cong:**

- Đắp đất dính tấn lề độ chặt K>0,90, taluy 1:1,5;

- Đắp nền đường bằng cát sông độ chặt K≥0,95;

- Cán CPĐD loại 1, Dmax= 37,5mm dày 12cm, K≥0,98;

- Lắp đặt ván khuôn thép ;

- Trải mũ ni lông mặt đường;

- Đổ bê tông mặt đường đá 1x2 B20 (M250) dày 16cm.

9.2. Phần cống

*** Phần cống BTCT D600 H30, dài 9m (01 vị trí):**

- Dọn dẹp lòng kênh và đào đất xây dựng cống;

- Móng cống đóng cừ tràm Φ gốc8-10cm, Φ ngọn>3,5cm, L=4m/cây, TC 25cây/1m2;

- Đệm cát đầu cừ dày 10cm;

- Bê tông lót móng M150 đá 1x2 dày 10cm;

- Lắp đặt từng đoạn ống cống BTCT đúc sẵn D600 H30 dài 3m;

- Tường đầu, tường cánh, sân cống BTCT đỗ tại chỗ đá 1x2 B15 (M200);

*** Phần cống BTCT D800 H30, dài 9m (01 vị trí):**

- Dọn dẹp lòng kênh va đào đất xây dựng cống;

- Móng cống đóng cừ tràm Φ gốc 8-10cm, Φ ngọn>3,5cm, L=4m/cây, TC 25cây/1m2;

- Đệm cát đầu cừ dày 10cm;

- Bê tông lót móng M150 đá 1x2 dày 10cm;

- Lắp đặt từng đoạn ống cống BTCT đúc sẵn D800 H30 dài 3m;

- Tường đầu, tường cánh, sân cống BTCT đỗ tại chỗ đá 1x2 B15 (M200);

*** Phần cống HDPE D400, dài 12m, dày 23,7mm (03 vị trí):**

- Đào đất xây dựng cống;

- Lắp đặt cống HDPE D400 dài 12m vào vị trí (cao độ đáy cống lắp đặt theo cao độ đáy mương tự nhiên);

- Lắp đất thân cống hoàn trả;

9.3. Phần cầu BTCT dài 18,8m:

- Thiết kế cầu mới có chiều dài 18,8m (tính đến tường hậu mố); kết cấu bằng BTCT, tải trọng thiết kế 0,5HL93, mặt cầu rộng lọt lòng 4,0m, khổ cầu: B=0,25+4,00+0,25=4,50m, tỉnh không, khoảng thông thuyền: không.

*** Phương án bố trí trắc dọc và kết cấu nhịp:**

- Phù hợp với các điều kiện địa hình, thủy văn khu vực v.v.

- Phối hợp giữa trắc dọc và bình đồ tuyến đường nhằm tạo nên mỹ quan chung cho công trình.

*** Phương án bố trị mặt cắt ngang vuông góc:**

Mặt cắt ngang cầu gồm:

+ Mặt đường xe cơ giới 1 làn xe: 1x4m=4m.

+ Lan can 2 bên: 2x0,25m=0,50m.

+ Tổng chiều rộng cầu: =4,50m.

+ Độ dốc ngang mặt cầu 2%.

*** Phần thượng tầng:**

- Cầu thiết kế dạng cầu gồm 1 nhịp, mỗi nhịp dài 18,0m, mỗi nhịp bố trí 4 dầm BTCT DUL I650 dài 18,0m, rộng bầu trên 0,33m, rộng bầu dưới 0,40m, trọng lượng dầm là 6,5T, khoảng cách giữa 2 dầm kề nhau là 1,00m, dầm ngang bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M300 (B22,5) độ sụt 6-8, đổ tại chổ; bản mặt cầu BTCT đá 1x2 M300 (B22,5) dày 18cm, phủ mặt cầu trải 1 lớp BT đá 0,5x1 M300 (B22,5) dày 3cm độ sụt 6-8; thoát nước ngang mặt cầu bằng cách bố trí lỗ thoát nước bằng ống

sắt tráng kẽm (STK), đường kính trong Φ60, dày 3mm, L=0,70m; gờ cầu, giá đỡ ống nước bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5); Trụ lan can và lan can bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng; gối cầu dùng gối cao su bản thép; Khe co giãn Ray C50 tại mố cầu.

*** Phần hạ tầng:**

- Mố cầu: bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5) đổ tại chổ, hệ cọc mố gồm 3 cọc đứng + 2 cọc xiên(1:10), tiết diện 30x30 bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5) chiều dài dự kiến 23,6m, thân mố, bệ mố, tường đỉnh, tường cánh, mũ mố, bản quá độ bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5).

- Tường cánh mố: thân tường cánh, bệ tường cánh bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5) đổ tại chổ, hệ cọc tường cánh gồm 2 cọc đứng + 2 cọc xiên(1:10), tiết diện 25x25 bằng BTCT đá 1x2 M300 (B22,5) chiều dài dự kiến 5,95m.

*** Cao trình thiết kế:** Tận dụng lại mặt đường hiện trạng, nên cao trình thiết kế thay đổi theo hiện trạng.

9.4. Phần cọc tiêu, biển báo:

Tuân thủ quy chuẩn kỹ KTQG về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

*** Cọc tiêu:**

- Móng bê tông đá 1x2 B12.5 (M.150) rộng 40x40cm, sâu 50cm;

- Cọc tiêu BTCT đá 1x2 B15 (M.200) kích thước 15x15cm dài 1,10m được sơn dầu màu trắng và đỏ theo quy định;

*** Biển báo:**

- Móng bê tông đá 1x2 B12.5 (M.150) rộng 40x40cm, sâu 50cm;

- Trụ biển báo bằng ống sắt tráng kẽm (STK) D90 dày 2mm;

- Biển báo bằng thép tấm mạ kẽm dày 1,5mm.

*** Sơn gồ:**

- Sơn gồ giảm tốc bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng, rộng 3,5m, bề rộng vạch 20cm, cách khoảng 40cm/vạch, cụm 5 vạch;

(Lưu ý: Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan: tất cả cá loại đá sử dụng cho công trình là đá đạt theo tiêu chuẩn quy định (trừ đá đen); tất cả các loại vật liệu khi đưa vào sử dụng cho công trình phải được kiểm soát chặt chẽ theo quy định. Đặc biệt, lưu ý cát vàng đổ bê tông phải được sàng lọc, rửa sạch, loại bỏ cát tạp chất bùn, sét có lẫn trong cát trước khi thi công).

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 4054:2005 – Đường ô tô – yêu cầu thiết kế.

- TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4447:2012 – Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9436: 2012 – Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9115:2019 Kết cấu bêtông và bêtông cốt thép lắp ghép. Thi công và nghiệm thu;

- 22TCN 266-2000 – Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống.

- TCVN 11823:2017 – Tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế cầu đường bộ

- TCVN 4453:1995 – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- TCVN 7570: 2006 – Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 8859:2023 – Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu.

- TCCS 39:2022/TCĐBVN thiết kế mặt đường BTXM thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- TCCS 40:2022/TCĐBVN thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông.

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

Cùng các qui trình, qui phạm, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng (làm tròn): **6.258.000.000** đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	5.371.758.241	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	162.441.969	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	454.822.510	đồng
- Chi phí khác	:	37.717.033	đồng
- Chi phí dự phòng	:	231.260.247	đồng

12. Tiến độ thực hiện: Năm 2027 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: không

16. Các nội dung khác: không

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Phước Mỹ Trung giao phòng Kinh tế xã điều hành công trình, liên hệ với các ngành chức năng liên quan tổ chức triển khai thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT. HĐND xã;
- CT, Các PCT. UBND xã;
- VP. HĐND&UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, Ân.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Ngoạn